

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DSST

Ngày: 15/12/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Vĩnh Thanh

2/. Ông Nguyễn Mai Độ

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền, cán bộ Tòa án nhân dân quận M.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 về vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/ QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu D**, sinh năm 1987

Trú tại: ấp T L, xã T T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

-Bị đơn:

1/. Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm: 1966

2/. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1966

Trú tại khu vực T B, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Hữu D trình bày: Nguyên vào năm 2015, do quen biết, nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Diệu H, Nguyễn Văn C mời ông tham gia nhiều chân hụi do vợ chồng bà H làm chủ hụi gồm:

-Ngày 10/3/2015 (al) ông tham gia 01 phần hụi 500.000 đồng/tháng, gồm 33 phần.

-Ngày 30/11/2015 (al) ông tham gia 01 phần hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 32 phần.

-Ngày 20/9/2017 (al) ông tham gia 01 phần hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 31 phần.

-Ngày 10/9/2015 (al) ông tham gia 02 phần hội mùa 2.000.000 đồng/tháng, gồm 12 phần.

Tổng số tiền ông tham gia các dây hội do vợ chồng bà H, ông C làm chủ là 121.500.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, đến khoảng tháng 5/2017 là ngày khai hội thì bà H tuyên bố bị cướp giật hết tiền nên ngưng mở hội và tuyên bố bế hội không giao tiền cho các hội viên.

Ông đã có đơn tố cáo hành vi lừa đảo của vợ chồng bà H gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận M để xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra, vợ chồng bà H thừa nhận nợ tiền hội của ông nhưng không chịu trả do chưa có điều kiện để thanh toán. Nhận thấy quyền lợi hợp pháp của ông đang bị xâm phạm nghiêm trọng, nên ông yêu cầu Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc vợ chồng ông C, bà H trả cho ông số tiền nợ hội là 121.500.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi

Phần trình bày của bị đơn - bà Nguyễn Thị Diệu H:

Vào năm 2015 bà có làm chủ hội, ông Trần Hữu D là người cùng xóm có tham gia chơi hội do bà làm chủ. Vào năm 2017 không hiểu vì sao hội viên đồn bà bế hội nên các hội viên đồng loạt yêu cầu hốt hội (kêu cao hơn số tiền chơi hội) nên các người có hội chết không đóng hội cho nên không có tiền giao hội cho ông D. Hiện tại bà còn nợ tiền hội ông D số tiền tổng cộng là 121.500.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn, không khả năng trả cho ông D số tiền này, khi nào bà thu được tiền hội chết của các hội viên bà sẽ trả cho ông D.

Phần trình bày của bị đơn - ông Nguyễn Văn C: Thống nhất lời trình bày của bà H, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

-Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền hội 121.500.000 đồng.

-Phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông D số tiền là 121.500.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn, hiện tại không có khả năng trả, khi nào bị đơn thu được tiền hội chết của các hội viên khác sẽ trả cho ông D.

-Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đã trình bày về cách trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự hợp đồng

góp hụi”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông Trần Hữu D đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả 121.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai của đương sự và trong quá trình tố tụng bị đơn bà H và ông C thừa nhận không phản đối, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định việc bị đơn bà H và ông C còn nợ số tiền 121.500.000 đồng của nguyên đơn là sự thật. Tuy nhiên, phía bị đơn bà H và ông C cho rằng do hòa cảnh khó khăn không có khả năng trả, nên yêu cầu khi nào thu được tiền hụi chết của các hụi viên khác sẽ trả cho nguyên đơn. Nhận thấy, yêu cầu của bà H và ông C không được phía ông D chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, việc ông D đòi lại số tiền mà bà H và ông C thừa nhận còn nợ là có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở chấp nhận và cần buộc các bị đơn bà H và ông C có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông D là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn ông D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn bà H và ông C phải chịu án phí. Ông D được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu D.

Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả cho ông Trần Hữu D số tiền 121.500.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng*).

2/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bị đơn bà H và ông C phải chịu 6.075.000 đồng (*Sáu triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Nguyên đơn ông D được nhận lại số tiền 3.038.000 đồng (*Ba triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011315 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

4/.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- TAND.TP/CT;
- VKSND.Q M;
- Chi cục THADS.Q M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng

Nguyễn Vĩnh Thạnh

Nguyễn Mai Độ

Nguyễn Phi Hùng